

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: 182/2018/DS-PT

Ngày: 05/11/2018

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Lâm Sơn

Các Thẩm phán:

Ông Trần Bình Đào

Bà Đặng Thị Bích Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông Trịnh Văn Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2018/TLPT-DS ngày 12 tháng 9 năm 2018, về tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 28/2018/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 174/2018/QĐ-PT ngày 20 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Cụ Lê Văn L, sinh năm 1935 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện R, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cụ L: Luật sư Trần Quang A - Văn phòng luật sư QA, thuộc đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1965 (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1966 (Theo văn bản ủy quyền ngày 04/5/2018).

Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1966 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: NLQ1, sinh năm 1982 (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của NLQ1: Chị Lê Thị L, sinh năm 1983 (Theo văn bản ủy quyền ngày 24/7/2018) (Vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị S - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn cụ Lê Văn L trình bày:* Bà S tham gia chơi hội do cụ L làm chủ, đây hội mở ngày 20/8/2014 âm lịch, hội mùa sau khi thu hoạch lúa thì sổ hội, gồm 11 hội viên, đây hội này bà S tham gia 01 chân. Đến ngày 10/01/2015 âm lịch, bà S kêu hốt 2.100.000 đồng, bà S lĩnh hội số tiền là 31.100.000 đồng chưa trừ huê hồng (huê hồng 2.500.000 đồng). Sau đó, bà S có góp hội lại cho cụ một lần với số tiền là 5.000.000 đồng. Lần góp hội này bà S không trực tiếp góp mà do NLQ1 góp. Lý do khi cụ đến nhà bà S góp tiền, bà S kêu cụ qua gặp NLQ1 đưa vì bà đã nói với NLQ1. Còn việc bà S và NLQ1 thỏa thuận như thế nào cụ không biết. Cụ không đồng ý với ý kiến của bà S và NLQ1 về việc cụ đồng ý NLQ1 thay bà S thực hiện nghĩa vụ và bà S cho rằng, NLQ1 đã thực hiện việc góp hội thay cho bà S được 3 lần với số tiền là 1.500.000 đồng là không có. Cụ chỉ nhận một lần góp hội chết từ NLQ1 đối với đây hội mở ngày 20/8/2014 âm lịch mà bà S tham gia. Còn hai lần góp sau là do NLQ1 cũng tham gia chơi hội do cụ làm chủ nhưng đây hội mở ngày khác, NLQ1 cũng lĩnh hội nên có trách nhiệm góp hội cho cụ.

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:* Bà thừa nhận có tham gia chơi hội do cụ L làm chủ, đây hội mùa 5.000.000 đồng mở ngày 20/8/2014 âm lịch, có 11 hội viên, bà tham gia một chân của đây hội này. Lần sổ hội thứ hai thì bà kêu hốt 2.100.000 đồng, nhưng bà không trực tiếp lĩnh hội mà có thỏa thuận với cụ L là cho cháu T (vợ thằng Đ) mượn và lĩnh hội, cháu T chịu trách nhiệm góp hội cho cụ L. Khi cụ L đến nhà bà giao tiền và bà có nói “*ông Út (cụ L) ơi chân hội này con cho vợ thằng Đ mượn hốt*” nhưng cụ L không nói gì và cụ L đã giao số tiền trên cho T tại nhà bà. Sau đó cụ L không đến nhà bà để góp hội mà đến nhà T để góp hội và nghe T nói lại là cháu đã góp cho cụ L được 03 lần. Tuy nhiên việc thỏa thuận trên chỉ nói miệng với nhau, không có lập thành văn bản, chỉ có cháu T chứng kiến cũng là người nhận tiền từ cụ L. Nay cụ L khởi kiện yêu cầu bà và ông H giao trả số tiền hội trên bà không đồng ý vì bà không có nhận tiền trực tiếp từ cụ L và chịu trách nhiệm góp hội cho cụ. Bà S xác định việc bà tham gia chơi hội của cụ L và cho cháu T mượn đây hội này, chồng bà là ông H biết rõ.

* *Tại bản tự khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan NLQ1 và tại phiên Tòa người đại diện theo ủy quyền của NLQ1 trình bày:* NLQ1 có mượn chân hội mở ngày 20/8/2014 âm lịch của bà S là hội viên do cụ L làm chủ. Việc thỏa thuận mượn chân hội trên được bà S, cụ L đồng ý nên khi lĩnh tiền hội cụ L đến nhà bà S giao tiền. Do nhà bà S gần nhà chị nên bà S có kêu chị qua nhận tiền. Chị là người nhận tiền trực tiếp từ cụ L giao tại nhà bà S. Khi giao tiền bà S có nói với cụ L: “*Đây hội này con cho vợ thằng Đ mượn có gì sau này ông đến nhà vợ thằng Đ mà gom tiền*”. Việc thỏa thuận trên chỉ nói miệng với nhau có mặt 03 người gồm chị, bà S và cụ L. Nay cụ L cho rằng không có việc thỏa thuận trên là không đúng. Vì nếu cụ L không đồng ý thì cụ không giao tiền cho chị và đến nhà chị gom hội. Tổng số tiền lĩnh hội là khoảng 30.000.000 đồng - 31.000.000 đồng, chị không nhớ chính xác nhưng số tiền kêu lĩnh là 2.100.000 đồng, lần thứ hai lĩnh hội, có tất cả

11 hội viên, huê hồng 2.500.000 đồng. Sau đó đến lần mở hội sau cụ L đến nhà chị góp hội 03 lần, mỗi lần góp hội là 5.000.000 đồng. Nhưng sau này chị không góp nữa do cụ L đã tuyên bố vỡ hội. Và cụ L có nợ số tiền hội của chị L là chị của chị nên chị không góp cho cụ L nữa mà chị giữ số tiền trên giao cho chị L. Nên chị xác định hiện nay chị cũng không còn nghĩa vụ gì với cụ L.

** Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2018/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:*

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của cụ Lê Văn L;
- Buộc vợ chồng ông Phạm Văn H - bà Nguyễn Thị S giao trả cho ông Lê Văn L số tiền hội là 23.200.000 đồng (Hai mươi ba triệu, hai trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, về án phí và bảo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

** Sau khi xét xử sơ thẩm*, ngày 07/8/2018 bà S có đơn kháng cáo toàn bộ bộ bản án sơ thẩm. Bà không đồng ý trả cho ông L số tiền 23.200.000 đồng và yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, vì Tòa án cấp sơ thẩm không khách quan, nghiêng về lời khai của ông L là không đúng, không có cơ sở.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện và Luật sư A nêu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Phía bị đơn kháng cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang nêu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà S và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ của nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét về thủ tục tố tụng, phía bị đơn ông H không có đơn kháng cáo vắng mặt nhưng có ủy quyền người khác tham gia tố tụng tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà S, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của bà S ngày 06/6/2018 (bút lục 49), biên bản đối chất ngày 20/6/2018 (bút lục 68) và tại phiên tòa bà đề xác định bà có tham gia chơi 03 chân hội do ông L làm chủ, nhưng bà cho rằng đây hội mùa 5.000.000 đồng mở ngày 28/8/2014 bà cho

cháu bà tên T mượn và lĩnh hội, cháu T chịu trách nhiệm góp hội cho ông L và ông L đồng ý. Lời khai của bà được cháu bà tên T thừa nhận nhưng phía ông L không thừa nhận việc thỏa thuận này. Hội đồng xét xử căn cứ vào biên bản hòa giải tại ấp HL ngày 17/9/2017 phía bà S trình bày số tiền hội tôi có cho cháu tôi Nguyễn Văn Đ mượn số tiền hội này (bút lục 21), tại lời khai của bà S ngày 06/6/2018 bà xác định Đ là chồng của T và bà thừa nhận ông L có mang tiền hội đến nhà tôi để giao nhưng tôi không nhận mà tôi có nói “ông Út (ông L) ơi chân hội này con vợ thằng Đ mượn hót”.

[3] Như vậy xét về số tiền nợ hội ông L khởi tiền đòi, các bên đương sự không có tranh chấp, mà chỉ tranh chấp về số tiền nợ này ai phải trả. Phía bà T cho rằng cháu T có nghĩa vụ phải trả nợ hội cho ông L, vì cháu T mượn nợ hội và đã đóng hội chết cho ông L và yêu cầu Tòa án giải quyết chuyển nghĩa vụ trả nợ của NLQ1 cho ông L nhưng phía ông L không đồng ý. Phía bà S không có văn bản, chứng cứ chứng minh việc bà, ông L và NLQ1 có thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ trả nợ hội. Đây là giao dịch dân sự phát sinh và thực hiện xong trước ngày 01/01/2017, nên áp dụng Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết, căn cứ theo quy định tại Điều 315, Điều 316 về chuyển giao nghĩa vụ dân sự phải được bên có quyền đồng ý, nay bà S chuyển giao nghĩa vụ trả nợ hội từ NLQ1 sang cho ông L nhưng ông L không đồng ý, do đó, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết buộc phía bà S có nghĩa vụ trả nợ hội cho ông L là đúng pháp luật.

Xét quan điểm tranh luận của Luật sư A là có căn cứ và phù hợp pháp luật, vấn đề khai nại của bà S không có cơ sở khách quan chấp nhận, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát là xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà S và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm, phía bà S phải nộp 300.000 đồng do Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà S.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị S.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 28/2018/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Kiên Giang.

Áp dụng các Điều 479 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ; Khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của cụ Lê Văn L;

2. Buộc vợ chồng ông Phạm Văn H, bà Nguyễn Thị S giao trả cho ông Lê Văn L số tiền nợ hui là 23.200.000 đồng (Hai mươi ba triệu, hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi theo mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí dân sự:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc vợ chồng ông Phạm Văn H, bà Nguyễn Thị S phải nộp án phí giá ngạch bằng số tiền 1.160.000 đồng (Một triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng).

- Án phí phúc thẩm: Buộc bà S phải nộp 300.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà S đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007102 ngày 08/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GR, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện R;
- THA dân sự huyện R;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Lâm Sơn